

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2019/HS-PT
Ngày: 05/3/2019.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Tuấn Anh.

Các Thẩm phán:

1. Ông Phan Văn Liệt.
2. Ông Phan Thanh Nguyễn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Trọng Hưng – Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Thuận - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 03 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 39/2019/TLPT-HS ngày 07/01/2019 đối với bị cáo Lê Phương T do có kháng cáo của bị cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm số 222/2018/HSST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện CB, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị cáo có kháng cáo:

Lê Phương T (tên gọi khác: Thanh mập); sinh năm: 1987; tại: tỉnh Tây Ninh; đăng ký thường trú và chỗ ở: Khu phố 1, phường AB, thị xã DA, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Xe ôm; trình độ văn học vấn: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Phương Q và bà Đỗ Thị Y; vợ, con: chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

- Nhân thân: Ngày 25/9/2008, bị Tòa án nhân dân huyện DA, tỉnh Bình Dương xử phạt 03 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản” tại bản án số 221/HSST/2008. Chấp hành xong hình phạt tù ngày 26/8/2011 và thi hành khoản tiền án phí ngày 21/11/2008.

- Bị bắt, tạm giam từ ngày 26/8/2018 (có mặt).

Ngoài ra, còn có bị cáo Lê Thái A (tên gọi khác: Tấn trâu) không có kháng cáo và không bị kháng nghị nên không triệu tập.

Những người tham gia tố tụng:

Bị hại: Ông Nguyễn Hữu Thảo C, sinh năm 1991

Địa chỉ: Số 34 Trần Hưng Đạo, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đỗ Thị Y, sinh năm 1962

Địa chỉ: Số 8 khu phố 2, phường AB, thị xã DA, tỉnh Bình Dương (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 00 giờ 45 phút ngày 26/8/2018, Lê Phương T điều khiển xe máy biển số 53X8-80xx chở Lê Thái A đến địa bàn thuộc ấp 3, xã Phước Hải, huyện CB, Thành phố Hồ Chí Minh thì phát hiện xe máy biển số 47M1-186.xx của anh Nguyễn Hữu Thảo C đang được đặt trên thùng xe ô tô tải mui trần dừng bên lề đường. Cả hai cùng bàn bạc lấy trộm xe máy để bán lấy tiền tiêu xài nhưng do xe máy không có chìa khóa nên Tấn ngồi trên xe máy biển số 47M1-186.xx trộm được để T điều khiển xe máy 53X8-80xx đẩy về chỗ A đang ở nhờ nhà của Nguyễn Thanh P tại ấp 2, xã Phước Hải, huyện CB, thành phố Hồ Chí Minh cất giấu.

Tại Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện CB Lê Phương T và Lê Thái A khai nhận hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 222/2018/HSST ngày 27/11/2018 của Tòa án nhân dân huyện CB, Thành phố Hồ Chí Minh đã tuyên xử: Tuyên bố bị cáo Lê Phương T và Lê Thái A phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

Căn cứ Khoản 1 Điều 173; điểm s Khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

- Xử phạt: bị cáo Lê Phương T 02 (hai) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 26/8/2018.

- Ngoài ra, bản án còn tuyên về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 10/12/2018, bị cáo Lê Phương T kháng cáo đối với bản án hình sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CB xin giảm nhẹ hình phạt để sớm trở về làm người có ích cho xã hội.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Lê Phương T giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát thực hành quyền công tố sau khi tóm tắt nội dung vụ án, phân tích tính chất, mức độ và hậu quả nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội của bị cáo gây ra cũng như các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đã kết luận đủ căn cứ xác định bản án sơ thẩm xét xử bị cáo Lê Phương T phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có cơ sở pháp luật.

Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo kháng cáo trong thời gian luật định và hợp pháp nên cần được xem xét.

Về nội dung kháng cáo: bị cáo Lê Phương T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng tại phiên tòa không có thêm tình tiết giảm nhẹ gì mới, mức án 02 (hai) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên phạt đối với bị cáo là phù hợp, tương xứng với mức độ phạm tội và nhân thân bị cáo. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự, không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Phương T và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Bị cáo không tranh luận chỉ đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt vì phạm tội với vai trò bị rủ rê, không có tình tiết tăng nặng và tài sản đã thu hồi trả cho bị hại, tạo cơ hội cho bị cáo sớm chấp hành án xong bản án và làm lại cuộc đời.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa, bị cáo Lê Phương T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình cùng đồng phạm Lê Thái A phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm và bản cáo trạng truy tố; phù hợp với các tài liệu, chứng cứ: biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, biên bản tạm giữ đồ vật – tài liệu, lời khai (bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan), bản kết luận định giá tài sản cùng các tài liệu, biên bản về hoạt động tố tụng khác của Cơ quan điều tra đã thu thập có trong hồ sơ vụ án.

Đã đủ cơ sở để kết luận: Vào khoảng 00h45' ngày 26/8/2018, các bị cáo Lê Phương T và Lê Thái A đã rủ rê nhau lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để lén lút, bí mật thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản là 01 xe gắn máy biển số 47M1-186.xx của anh Nguyễn Hữu Thảo C đang đặt trên thùng xe ô tô tải mui trần đỗ bên lề đường tại ấp 3, xã Phước Hải, huyện CB, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tài sản các bị cáo chiếm đoạt: Theo bản kết luận định giá tài sản số 201/KL-HĐĐGTS ngày 27/8/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện CB, kết luận: 01 (một) xe gắn máy hiệu Yamaha Sirius màu trắng - đen biển số 47M1-186.xx, số khung: C630DY-741809 (tài sản đã qua sử dụng) trị giá 7.000.000 (bảy triệu) đồng.

Như vậy, với giá trị tài sản chiếm đoạt và hành vi nêu trên của các bị cáo, Tòa án cấp sơ thẩm đã tuyên bố và xét xử các bị cáo Lê Phương T và Lê Thái A phạm tội “Trộm cắp tài sản” theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là đúng người, đúng tội, không oan sai.

Sau khi xét xử sơ thẩm, ngày 10/12/2018, bị cáo Lê Phương T có đơn kháng cáo về hình thức là làm trong thời hạn theo quy định tại Điều 342 Bộ luật Tố tụng hình sự nên được chấp nhận.

Về nội dung kháng cáo: Xét khi quyết định hình phạt, Tòa án cấp sơ thẩm đã nhận định về tính chất, mức độ tham gia phạm tội của bị cáo đồng phạm và tình tiết giảm nhẹ: các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải; riêng bị cáo A còn “phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng”.

Ngoài ra, trong vụ án tài sản các bị cáo chiếm đoạt có trị giá 7.000.000 đồng đã thu hồi trả cho bị hại nên thuộc trường hợp “phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn”, là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự. Tuy nhiên, phần căn cứ để quyết định hình phạt của bản án đối với các bị cáo Lê Phương T và Lê Thái A không áp dụng điểm h khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) là có thiếu sót; nhưng không thuộc trường hợp có sai lầm nghiêm trọng trong việc áp dụng pháp luật nên không cần thiết phải hủy, sửa bản án mà chỉ cần bổ sung phần căn cứ quyết định của bản án cho chính xác khi quyết định hình phạt. Cấp sơ thẩm cần lưu ý rút kinh nghiệm trong việc áp dụng pháp luật.

Đối với bị cáo Lê Thái A, theo nguyên tắc có lợi không làm xấu đi tình trạng của bị cáo, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm có xem xét phần khác của bản án không bị kháng cáo, không bị kháng nghị về phần hình phạt đối với bị cáo theo quy định về “phạm vi xét xử phúc thẩm” tại Điều 345 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của người khác, mà còn gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Các bị cáo là người có đầy đủ khả năng nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội.

Trong vụ án, các bị cáo Lê Phương T và Lê Thái A phạm tội thuộc trường hợp đồng phạm nhưng mang tính giản đơn không có tổ chức. Trong đó, bị cáo A là người đề xuất, các bị cáo đã cùng nhau bàn bạc, cùng thực hiện hành vi chiếm đoạt tài sản và mang đi cất giấu nhằm mục đích bán lấy tiền chia nhau tiêu xài; nên vai trò của các bị cáo là như nhau. Nhưng bị cáo T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt vì cho rằng mình phạm tội với vai trò bị rủ rê, mức độ hạn chế hơn so với bị cáo A là không phù hợp với các tình tiết khách quan của vụ án.

Ngoài ra, về nhân thân bị cáo T từng bị xét xử về tội “Cướp giật tài sản”, đã được giáo dục, răn đe nhưng không coi đó là bài học để cải tạo, sửa chữa thành người có ích cho xã hội. Các bị cáo Lê Phương T và Lê Thái A đều nghiện ma túy và từng bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính về hành vi “sử dụng trái phép chất ma túy”. Muốn có tiền tiêu xài nhưng lười lao động lại tụ tập rủ rê nhau phạm tội, thể hiện thái độ xem thường pháp luật.

Xét tính chất, mức độ tham gia phạm tội của bị cáo đồng phạm và nhân thân các bị cáo, mặc dù có thiếu sót nêu trên nhưng mức án Tòa án cấp sơ thẩm

xử phạt bị cáo Lê Phương T mức án 02 (hai) năm tù và bị cáo Lê Thái A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, là thỏa đáng; mới đủ tác dụng để răn đe giáo dục bị cáo nói riêng và công tác đấu tranh phòng chống tội phạm chung.

Xét, bị cáo Lê Phương T kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt nhưng tại phiên tòa không có tình tiết giảm nhẹ gì mới và các tình tiết bị cáo nêu ra không phù hợp với quy định của pháp luật như nhận định nêu trên của Hội đồng xét xử nên không có cơ sở để được chấp nhận.

Do đó, giữ nguyên bản án sơ thẩm về mức hình phạt đối với các bị cáo Lê Phương T và Lê Thái A và bổ sung căn cứ điều luật áp dụng khi quyết định hình phạt cho phù hợp với quy định của pháp luật.

Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, buộc bị cáo Lê Phương T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các vấn đề khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

+ Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 Bộ luật Tố tụng hình sự 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Lê Phương T (tên gọi khác: Thanh mập) và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên bố: bị cáo Lê Phương T (tên gọi khác Thanh mập) phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

+Căn cứ Khoản 1 Điều 173; các điểm h, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: bị cáo Lê Phương T 02 (hai) năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/8/2018.

+Căn cứ Khoản 1 Điều 173; các điểm h, i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt: bị cáo Lê Thái A 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 26/8/2018.

Về án phí: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Phương T phải chịu án phí hình sự phúc thẩm là 200.000đ (hai trăm nghìn đồng).

Các quyết định khác của bản án hình sự sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND TC; (1)
- TAND Cấp Cao tại TP.HCM (1)
- VKSND TP.HCM; (3)
- VKSND huyện CB (1)
- P.PC 53 - CATP; (1)
- Bị cáo; (1)
- Sở Tư pháp (1)
- THA huyện CB (2)
- TAND huyện CB (2)
- Công an huyện CB (1)
- UBND nơi bị cáo cư trú; (2)
- Lưu: VT, THS, hồ sơ; (26) (4)

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Tuấn Anh